

BỘ Y TẾ
Số: 2433/1998/QĐ-BYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Về việc quy định các thuốc được xét cho phép quảng cáo cho công chúng trên truyền hình, truyền thanh

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định 68/CP của Chính phủ ngày 11-10-1993 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Y tế.

Căn cứ Nghị định 194/CP của Chính phủ ngày 31-12-1994 về hoạt động quảng cáo trên lãnh thổ Việt Nam.

Căn cứ vào "Quy chế Thông tin, quảng cáo thuốc và mỹ phẩm dùng cho người" ban hành theo Quyết định số 322/BYT-QĐ ngày 28-2-1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Theo đề nghị của Ông Cục trưởng Cục Quản lý dược Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các thuốc có hoạt chất chính trong danh mục ban hành kèm theo quyết định này sẽ được xét cho phép quảng cáo cho công chúng trên truyền hình, truyền thanh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế bản danh mục "Các thuốc có hoạt chất chính sau đây sẽ được xét, cho phép quảng cáo cho công chúng trên truyền hình, truyền thanh năm 1997", ban hành theo Quyết định số 322/BYT ngày 28-2-1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 3. Các Ông, Bà: Chánh văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý dược Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Điều trị, Chánh thanh tra Bộ Y tế, Tổng giám đốc Tổng công ty dược Việt Nam, Giám đốc các Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Y tế ngành, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

DANH MỤC CÁC HOẠT CHẤT

Ban hành kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế

số 2433/1998/QĐ-BYT ngày 17 tháng 9 năm 1998

TT	Hoạt chất	Đường dùng	Hàm lượng hoặc Nồng độ tối đa (*)
1	B-Caroten	uống, dùng ngoài	**
2	Đồng sulfate	dùng ngoài	dung dịch 0,25%
3	Acetaminophen	uống	viên 500mg
4	Acetyl cystein	uống	bột, viên 600mg
5	Acetyl leucine	uống	viên 500mg
6	Acid boric	dùng ngoài	cồn, mỡ 10%
7	Acid acetyl salixilic	uống, dùng ngoài	viên 500mg
8	Acid aminoethylsulfonic	nhỏ mắt	dung dịch 1%
9	Acid benzoic	dùng ngoài	kem 6%
10	Acid folic	uống	viên 5mg
11	Acid glutamic	uống	viên 500mg
12	Acid lactic	dùng ngoài	dung dịch 1%
13	Acid salicylic	dùng ngoài	cồn 2%
14	Albendazol	uống	viên 400mg
15	Ambroxol hydrochloride	uống, dùng ngoài	viên 30mg, dung dịch 7,5mg/ml
16	Arginine glutamate	uống	dung dịch 3g/10ml
17	Aspactam	uống	viên 100mg
18	Attapulgate hoạt hoá	uống	bột, viên 600mg

19	Bacitracin	ngậm, nhỏ mắt	dung dịch 5000UI/100ml
20	Benzalkonium chloride	dùng ngoài	dung dịch 0,2%
21	Benzoyl peroxid	dùng ngoài	gel 10%
22	Berberin	uống	viên 50mg
23	Biclotymol	viên ngậm, dùng ngoài	viên 5mg, mỡ 5%
24	Biotin	uống	viên 10mg
25	Bisacodyl	uống	viên 5mg
26	Bromhexine hydrochloride	uống	viên 8mg
27	Butamirate	uống	viên 5mg
28	Calci ascorbate	uống	**
29	Calci carbonate	uống	viên 500mg
30	Calci gluconate	uống	viên 500mg, dung dịch 10%
31	Calci lactate	uống	viên 600mg
32	Carbazochrome	uống	viên 10mg
33	Carbocysteine	uống	bột, dung dịch, siro 2%
34	Cetirizine	uống	viên 10mg
35	Cetrimide	dùng ngoài	dung dịch 0,5g/100ml
36	Cholin bitartrate	uống	viên 300mg
37	Chondroitin sulfate	uống	viên 100mg
38	Clopheniramine maleat	uống	viên 4mg
39	Clorophyll	uống	viên 50mg
40	Clotrimazole	dùng ngoài	kem 1%, viên đặt 500mg

41	Crotamiton	dùng ngoài	kem, dung dịch 10%
42	Dexclopheniramine maleat	uống	viên 6mg
43	Dextromethorphan hydrobromid	uống	viên 10mg
44	Diclofenacdiethyl ammonium	dùng ngoài	gel 1%
45	Diethylphtalat (DEP)	dùng ngoài	**
46	Dimenhydrinat	uống	viên 50mg
47	Dimethicone	uống	viên 250mg; cốm, dịch treo 2,5%
48	Dimethindene maleat	uống, dùng ngoài	viên 2,5mg, kem 1%
49	Diphenhydramine hydrochloride	uống, dùng ngoài	viên 25mg, kem 3%
50	DL camphor	dùng ngoài	cồn, mỡ 10%
51	Domperidone maleat	uống	viên 10mg
52	Doxylamin succinnate	uống	viên 5mg, Siro 125mg/ml
53	Econazole	dùng ngoài	dung dịch 1%, kem 3%
54	Famotidine	uống	viên 40mg
55	Flumetasone	dùng ngoài	dung dịch và kem 0,2%
56	Framycetin sulfate	dùng ngoài	kem 0,5%
57	Galantose	uống	lọ (bột) 15g
58	Glycerin	uống	dung dịch 60%
59	Goudron	dùng ngoài	**
60	Griseofulvin	dùng ngoài	mỡ 5%